

Số: 55 /KH-UBND

*Tuyên Quang, ngày 12 tháng 4 năm 2022*

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

#### **I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Văn bản số 797/BTTTT-THH ngày 06/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn một số nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy triển khai chuyển đổi số năm 2022;

Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 22/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Cụ thể hóa việc tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả, đạt mục tiêu Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; làm căn cứ, cơ sở để các sở, ban, ngành, địa phương; Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội triển khai thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, tổ chức và địa phương mình. Duy trì và từng bước nâng thứ hạng của tỉnh trên bảng xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI); phấn đấu đến năm 2025 Tuyên Quang là một trong những tỉnh xếp hạng khá, đến năm 2030 là tỉnh nằm trong nhóm dẫn đầu khu vực miền núi phía Bắc.

### 2. Mục tiêu cụ thể

#### 2.1. Mục tiêu đến năm 2025

*a) Xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu:*

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp, sử dụng trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% các sở, ban, ngành, huyện, thành phố tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; 100% cơ quan Nhà nước cấp tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; 100% cơ sở dữ liệu dùng chung và 80% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh, thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP). 100% các hệ thống dùng chung và chuyên ngành đều được xác thực tập trung (SSO).

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan Nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất; 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (*trừ văn bản mật theo quy định*); 100% chế độ báo cáo được tạo lập, cập nhật, lưu trữ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung theo quy định.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước*); tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của

cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

*b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu:*

- Kinh tế số chiếm 20% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn).

- Năng suất lao động tăng bình quân từ 7%/năm.

- Thực hiện các mục tiêu tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

*c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu:*

- 100% người dân có danh tính số kèm theo mã QR code, có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân; 100% học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân; 100% hộ gia đình có địa chỉ số và có ít nhất 01 điện thoại thông minh; 100% hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh, gửi, nhận hóa đơn điện tử với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số.

- 100% tuyến đường chính tại trung tâm các huyện, thành phố được lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh; 100% di sản của tỉnh có hiện diện số và hình thành bản đồ di sản số để người dân, khách du lịch truy cập thuận lợi trên môi trường số.

- Phấn đấu triển khai hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến 100% thôn, bản và trên 80% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại di động thông minh, từng bước phát triển mạng 5G. Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 50%.

- Thực hiện các mục tiêu tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

## 2.2. Mục tiêu đến năm 2030

*a) Phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu:*

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần; 100% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trong toàn tỉnh và với các cơ sở dữ liệu quốc gia (*dân cư, đất đai, bảo hiểm...*) thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh. Từng bước mở dữ liệu của các cơ quan Nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công*

việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước); tối thiểu 70% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

*b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu:*

- Phấn đấu kinh tế số chiếm 30% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn).

- Năng suất lao động tăng bình quân từ 8%/năm.

- Thực hiện các mục tiêu tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

*c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu:*

- Triển khai hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 90% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 5G trên địa bàn toàn tỉnh.

- 100% hộ gia đình có ít nhất 02 điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 80%.

- Thực hiện các mục tiêu tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo).*

### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; lồng ghép với các dự án, chương trình, kế hoạch khác có liên quan; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Tổng kinh phí dự kiến:** 597.375 triệu đồng,

Trong đó:

- Kinh phí sự nghiệp: 474.025 triệu đồng

- Vốn đầu tư công: 52.300 triệu đồng

- Vốn xã hội hóa: 71.050 triệu đồng.

Hàng năm, ưu tiên bố trí, chi cận đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai thực hiện các hoạt động, chương trình, đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin chuyển đổi số và đô thị thông minh, đặc biệt là công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ về chuyên ngành công nghệ thông tin.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai của đơn vị mình và ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện.

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh**

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện nội dung kế hoạch.

## **2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan duy trì hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công; ưu tiên đầu tư, triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục hành chính.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, vận hành, khai thác và sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và hệ thống Thông tin báo cáo tỉnh Tuyên Quang.

## **3. Sở Thông tin và Truyền thông**

Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, địa phương, định kỳ 6 tháng và hàng năm (trước ngày 15/12) báo cáo Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính lập kế hoạch phân bổ kinh phí về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, theo quy định.

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các chương trình, chính sách thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển giao dịch điện tử, chương trình phát triển hạ tầng viễn thông và Internet; sơ kết đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng năm và tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vào năm kết thúc.

Phối hợp, tham gia ý kiến đối với các chương trình, dự án của Kế hoạch do các ngành, địa phương chủ trì thực hiện. Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của nhiệm vụ, dự án để phối hợp với các ngành, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo Ban Chỉ đạo và Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Tiếp tục triển khai, thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các ứng dụng dùng chung, chuyên ngành, các hệ thống thông tin trong nội bộ tỉnh thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh (LGSP); triển khai kết nối với hệ thống kết nối quốc gia (NGSP); thực hiện liên thông các hệ thống thông tin giữa các Bộ, ngành.

Chủ trì tham mưu và tổ chức cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, định hướng và công khai kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng chương trình, tổ chức thực hiện việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Hàng năm, căn cứ Kế hoạch này và định hướng của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ban, ngành ở Trung ương xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện.

#### **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Căn cứ vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tuyên Quang đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết 68/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 hàng năm bố trí cho các công trình đảm bảo theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan thực hiện tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký thành lập doanh nghiệp công nghệ số. Triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp công nghệ số trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Phối hợp với các cơ quan đơn vị tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền cân đối, phân bổ kinh phí từ ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các dự án về chuyển đổi số đảm bảo đúng tiến độ.

#### **5. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số, phát triển dịch vụ đô thị thông minh theo nội dung Kế hoạch.

- Hướng dẫn, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự toán kinh phí theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch trên cơ sở, khả năng cân đối ngân sách địa phương, ưu tiên bố trí kinh phí theo hình thức thuê dịch vụ.

#### **6. Sở Nội vụ**

- Tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn tỉnh. Hàng năm lựa chọn, vinh danh, khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến về chuyển đổi số, đặc biệt đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có thành tích nổi bật, xuất sắc trong triển khai chuyển đổi số của ngành, địa phương.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp về chuyển đổi số; xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về chính quyền số cho các cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

## **7. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Thực hiện đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ số liên tục thay đổi và phát triển; thực hiện chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đổi mới phương pháp giáo dục trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích các mô hình giáo dục, đào tạo trên nền tảng số; triển khai các nền tảng dạy học trực tuyến và từng bước phát triển kho tài nguyên giáo dục số; tổ chức bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của ngành.

## **8. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan, đơn vị liên quan trong việc đề xuất, tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ phục vụ chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

## **9. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

Người đứng đầu cơ quan, Thủ trưởng các đơn vị quyết liệt chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, đặc biệt gắn việc ứng dụng công nghệ thông tin với thực hiện cải cách hành chính.

Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả và đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch của cơ quan, đơn vị mình.

Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông trong quá trình triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước và Kiên trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

Tổ chức các cuộc họp giao ban trực tuyến với các cơ quan, đơn vị liên quan trên Hệ thống Hội nghị giao ban điện tử tỉnh. Phối hợp triển khai và sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh.

Xây dựng các nội dung tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin, gắn kết chặt chẽ công nghệ thông tin với cải cách hành chính, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

Thủ trưởng các cơ quan có lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số lập kế hoạch chi tiết, gửi Sở Thông tin và Truyền thông góp ý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, triển khai.

Căn cứ nhiệm vụ được phân công, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả, định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6) và hàng năm (trước ngày 10/12) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) tình hình, kết quả thực hiện.

Lồng ghép, cập nhật nội dung, nhiệm vụ của Chương trình, Kế hoạch, Đề án chuyển đổi số của Bộ ngành chủ quản với nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, liên vùng, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông; có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình quản lý về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ chia sẻ cho các cơ quan khác khai thác, sử dụng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

#### **10. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh**

Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.

Phổ biến, lan tỏa, tôn vinh các mô hình, tấm gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

#### **11. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh**

Phối hợp với chính quyền, ngành chức năng và các tổ chức thành viên tuyên truyền vận động, đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 30 trên địa bàn tỉnh. Tham gia kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo điện tử tỉnh;
- Phòng THCBKS;
- Lưu VT, TG CNTT 02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Việt Phương**